TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2025/DS-PT
Ngày: 06/5/2025
V/v: "Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:	Ông Nguyễn Văn Tào
Các thẩm phán:	Ông Võ Ngọc Thông
	Bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 332/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc: "Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1070/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị X, sinh năm 1955; địa chỉ: Số H đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- Bị đơn: Ông Hồ Minh T, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hồ Văn H (đã chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H: Bà Đặng Thị Ngọc B, anh Hồ Đức B1, anh Hồ Tuấn A, anh Hồ Đức H1, anh Hồ Đức T1, anh Hồ Đức L; cùng địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Anh Hồ Minh T2, sinh năm 1975; nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú: Số B, đường V, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Vắng mặt.

+ Anh Hồ Minh T3, sinh năm 1978; nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú ở nước ngoài. Vắng mặt.

+ UBND xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

* Người kháng cáo: nguyên đơn bà Hồ Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn bà Hồ Thị X trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông bà nội bà (ông Hồ Văn N), khoảng năm 1951-1952 ông nội chết, năm 1958 bà nội chết. Ông bà nội giao cho bố bà là ông Hồ Văn S đất và nhà để ở. Năm 1939, bố bà ông Hồ Văn S kết hôn với mẹ bà Nguyễn Thị L1. Trước khi kết hôn với mẹ bà thì bố bà ông Hồ Văn S đã có đất và nhà gỗ lợp tranh trên thửa đất số 559, tờ bản đồ số 9 (nay là thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12), diện tích 1.350m2 (do ông nội Hồ Văn N cho ông S). Bố mẹ bà sinh được bốn người con gồm: Hồ Thị T4 (chết năm 1968 trước bố mẹ), ông Hồ Văn H (chết năm 2023), ông Hồ Minh T, sinh năm 1954 và bà Hồ Thị X, sinh năm 1955. Ông Hồ Văn S chết năm 1970, bà Nguyễn Thị L1 chết năm 2009. Khi ông S chết không để lại di chúc, không dặn dò gì và không có giấy ủy quyền tặng cho ai thửa đất mà ông cha đã có trước khi cưới bà L1. Sau khi ông S chết, bà L1 tiếp tục sinh sống trên thửa đất đó cùng với các con, đến khi các con trưởng thành thì đi nghề và lập gia đình riêng, chỉ còn bà L1 ở lại một mình trên thửa đất. Khoảng năm 1989-1990 các con của ông T chuyển từ Sông B về sinh sống với bà L1 vì vợ ông T chết, được 02 năm thì ông T đưa các con vào Thị trấn N sinh sống nhưng không cắt hộ khẩu đi. Sau đó các con của ông T trưởng thành và chuyển vào miền N sinh sống làm ăn nhưng vẫn không cắt hộ khẩu. Năm 2001, xã và huyện có chủ trương cấp sổ đỏ cho gia đình có đất và nhà ở, thửa đất của ông cha bà được UBND huyện B cấp sổ đỏ mang tên hộ bà Nguyễn Thị L1, tại thửa đất số số 559, tờ bản đồ số 9, diện tích 1350m2. Năm 2008, UBND xã M có hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L1, số tiền 10.000.000 đồng để xây nhà, nên đã phá ngôi nhà cũ của ông S, bà L1 để xây lại nhà mới diện tích 50m2. Năm 2009 bà L1 chết, nhưng trước khi bà L1 chết, ông Hồ Minh T đã đưa bản di chúc in ấn đánh máy sẵn các mục và về ghi vào các mục trống rồi nhờ ông Nguyễn Thế N1 làm chứng xác nhận. Bà L1 không biết chữ không nắm được pháp luật, nên đã để ông T ghi trong bản di chúc, bản di chúc này do ông Hồ Minh T tự ý lập, mà không thông qua ba anh em bà. Vì đất không phải của mẹ bà nên mẹ bà là Nguyễn Thị L1 chỉ được quyền quản lý, sử dụng cho đến hết đời chứ không có quyền định đoạt, việc tặng cho, chuyển nhượng phải được 3 đứa con của bà ông S, bà L1 đồng ý ký tên,

nên bản di chúc là trái pháp luật. Bà L1 chết năm 2009 nhưng năm 2013 ông Hồ Minh T tự đi làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị L1. Vì vậy, bà X khởi kiện yêu cầu:

Chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 9, diện tích 1350m2, địa chỉ: xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Chia thành ba phần bằng nhau, phần diện tích đất có ngôi nhà của bà L1 thì giao cho ông T, còn phần đất trống còn lại chia cho bà và ông H. Yêu cầu tuyên bố di chúc của bà Nguyễn Thị L1 lập ngày 27/2/2009 vô hiệu. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 065244 do UBND huyện B cấp, mang tên bà Nguyễn Thị L1 ngày 26/4/2013, tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12, diện tích 1670,1m2, địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại bản tự khai, đơn trình bày, biên bản làm việc, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn ông Hồ Minh T trình bày:

Cha ông là ông Hồ Văn S (chết năm 1969), mẹ ông là bà Nguyễn Thị L1 (chết năm 2009) có 04 đứa con gồm: Hồ Thị T4, mất năm 1968; Hồ Văn H, mất năm 2023; Hồ Thị X và ông Hồ Minh T. Khi còn sống cha mẹ ông tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 559, tờ bản đồ số 9, diện tích 1350m2 (nay là thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12, diện tích 1670,1m2), xã M, huyện B. Ông Hồ Văn S mất năm 1969, không để lại di chúc, bà Nguyễn Thị L1 mất năm 2009 có để lại di chúc. Bố ông chết thời gian trên 30 năm nên đã hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế. Bố ông mất sớm một mình mẹ ông nuôi các con ăn học, trưởng thành. Hồ Thị T4, mất năm 1968; Hồ Văn H, sinh năm 1942 (mất năm 2023), lớn lên đi học nghề năm 1968, sau đó lập gia đình tại Ninh Bình và ở luôn tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cho đến khi mất; Hồ Thị X, sinh năm 1955, lớn lên đi học làm giáo viên, năm 1976 lấy chồng theo chồng ở TDP C, thị trấn N, B, Quảng Bình, cho đến khi về hưu và theo con vào cư ngụ tại Phường L, TP B, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay và ông Hồ Minh T, sinh năm 1954. Năm 1972 đi bộ đội đến năm 1988 trở về quê ở với mẹ ông và các con tại xã M, B, Quảng Bình. Ông lấy vợ từ năm 1973 và có 04 đứa con. Suốt thời gian ông ở Quân đội vợ và các con ông chung sống với mẹ ông cùng một nhà. Đến năm 1986 vợ ông chết, các con ông vẫn ở cùng với bà nội. Đến năm 1995 ông lấy vợ hai và chuyển vào ở tại TDP C, thị trấn N, B, Quảng Bình. Riêng các con ông vẫn ở với bà nội tại xã M cùng chung hộ khẩu với bà nội. Năm 2001 UBND huyện B cấp giấy CNQSDĐ, tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 9, diện tích 1350m2, địa chỉ: xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình mang tên hộ bà Nguyễn Thị L1. Như vậy, trong năm 2001, 03 đứa con của mẹ ông là Hồ Văn H, Hồ Thị X và Hồ Minh T đã có gia đình riêng và định cư địa phương khác, chỉ còn 03 cháu nội là Hồ Minh T2, Hồ Minh T3 và Hồ Thị T5 đang ở với mẹ ông cho đến khi mẹ ông chết năm 2009. Năm 1968 mẹ ông làm một ngôi nhà tranh vách đất, năm 1988 ông đi bộ đội về có xây một ngôi nhà bên cạnh nhà của mẹ ông, nhưng làm giữa chừng chưa hoàn thiện, năm 2008 có một cơn bão to

nhà tranh cũ bị sập, UBND xã có hỗ trợ cho mẹ ông số tiền 10.000.000 đồng và các con ông góp thêm một số tiền để xây thêm trên nền ngôi nhà mà ông xây năm 1988 chưa hoàn thiện để cho mẹ ông và các con ông ở là ngôi nhà hiện nay vẫn còn tồn tại trên đất. Sau khi mẹ ông mất năm 2009 thì các cháu vẫn tiếp sinh sống trên thửa đất này. Khi bà mất 01 năm, do có thừa kế nên 2 đứa con trai của ông đã bỏ số tiền 60.000.000 đồng đưa về xây hàng rào bao quanh bảo vệ đất. Hiện nay do 2 con trai ông ở xa nên ông thường xuyên về thắp hương cho ông bà, trồng cây bảo vệ vườn tược.

Về di chúc của mẹ ông, bà Nguyễn Thị L1: Cha ông là Hồ Văn S mất năm 1969, mẹ ông là vợ của cha ông ở trên mãnh đất đó cho đến khi bà mất. Mẹ ông đau ốm chỉ có 15 ngày, mẹ ông rất tỉnh táo đến khi chết điều này xóm chòm thừa nhận. Theo pháp luật quy định thì Thời hiệu thừa kế động sản 10 năm, bất động sản là 30 năm, do đó kể từ lúc cha tôi mất 1969 đến năm 2001 nhà nước cấp giấy CNQSDĐ cho mẹ ông. Do đó mẹ ông, bà Nguyễn Thị L1 được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với tài sản của bố mẹ ông. Năm 2009 mẹ ông Nguyễn Thị L1 mất có để lại di chúc, nội dung di chúc để lại toàn bộ tài sản đất và nhà cho hai cháu là Hồ Minh T3 và Hồ Minh T2. Việc bà lập di chúc ông không biết, do bà nội các cháu lập, UBND xã thực hiện chứng thực và ông cậu Nguyễn Thái S1 giữ di chúc, sau khi bà mất thì công bố. Di chúc mẹ ông là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật vì có công chứng và có người làm chứng hợp pháp. Ông yêu cầu thực hiện theo di chúc, không đồng ý chia đất cho ông H, bà X. Đề nghị cho 2 con ông được hưởng toàn bộ đất, nhà theo Di chúc của bà để lại. Để 2 cháu có trách nhiệm và nghĩa vụ thờ cúng ông bà, đất sẽ không chuyển nhượng mua bán theo di chúc của bà. Ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X về chia di sản thừa kế bố mẹ để lại.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Minh T2 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông bà nội anh ông Hồ Văn S, bà Nguyễn Thị L1. Anh là con trai của ông Hồ Minh T, cháu nội của bà Nguyễn Thị L1. Anh sinh năm 1975, sinh ra và lớn lên ở xã M, gia đình anh sống chung với bà nội tại ngôi nhà của bà nội. Năm 1972 bố anh đi bộ đội, mẹ anh và 4 anh em anh sống chung với bà nội tại ngôi nhà của bà nội. Đến năm 1983 gia đình anh đi kinh tế mới tại Sông B, được 3 năm đến năm 1986 mẹ anh mất, bố anh đưa 04 đứa con về ở với bà. Được một thời gian khoảng năm 1990 thì bố anh đưa 02 đứa em vào Nông trường V nuôi, còn lại anh và một người em gái nữa tên T5 sống chung với bà nội cho đến khi bà mất. Trong quá trình anh ở với bà thì năm 2001 bà anh được UBND huyện B cấp giấy CNQSDĐ, thửa đất số 559, tờ bản đồ số 9, diện tích 1350m2; địa chỉ: xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình mang tên hộ bà Nguyễn Thị L1. Theo anh những thành viên trong gia đình có tên trong hộ khẩu được quyền sử dụng đất gồm bà Nguyễn Thị L1, Hồ Minh T2, Hồ Thị T5. Năm

2009 bà anh mất, UBND xã có cho anh xem di chúc của bà anh, trong di chúc bà anh để lại toàn bộ tài sản nhà đất, cây cối, sổ đỏ, sổ hộ khẩu cho hai anh em anh là Hồ Minh T2 và Hồ Minh T3 (anh T3 sống chung với bà L1 từ 1986-1990). Anh Hồ Minh T3 hiện nay đang sống tại Đài Loan, không rõ địa chỉ cụ thể, không thể về để trực tiếp tham gia giải quyết vụ án, ý kiến của anh cũng là ý kiến của anh Hồ Minh T3. Đối với khởi kiện của bà X anh không chấp nhận, đề nghị thực hiện theo di chúc của bà L1. Di chúc hợp pháp hay không hợp pháp anh không biết, nếu không hợp pháp thì đề nghị xử lý trách nhiệm của cán bộ tư pháp, người làm chứng, UBND xã M. Tại thời điểm cấp giấy CNQSDĐ cho bà L1, anh có tên trong hộ khẩu của bà, do đó anh cũng có phần sử dụng đất đối với một phần thửa đất, đề nghị Toà án giải quyết bảo đảm quyền lợi cho anh.

Tại công văn số 200/UBND ngày 22/4/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã M có ý kiến: Mong muốn anh em trong gia đình tự hòa giải. Về nguồn gốc thửa đất số 559, tờ bản đồ số 9, diện tích 1350m2, địa chỉ: Thôn D xã M, huyện B là do Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị L1, hiện tại UBND xã không có sổ mục kê.

Ủy ban nhân dân huyện B: Tòa án đã gửi văn bản đề nghị cử người thâm gia tố tụng và có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa và xin phép vắng mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn H: Bà Đặng Thị Ngọc B, anh Hồ Đức B1, anh Hồ Tuấn A, anh Hồ Đức H1, anh Hồ Đức T1, anh Hồ Đức L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt và cũng không gửi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Minh T3 hiện đang cư trú ở nước ngoài không rõ địa chỉ cụ thể: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án tại trụ sở Tòa án và tại UBND xã M, đồng thời thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ tiếng nói Việt Nam. Ngày 25/6/2024, H2 phát thanh đối ngoại quốc gia Đài tiếng nói Việt Nam đã gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tài liệu về việc đã thông báo trên kênh thông tin dành cho người nước ngoài các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án, phát vào các ngày 25, 26, 27/6/2024.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thửa đất tranh chấp và các tài sản có trên đất, cụ thể: Hiện trạng sử dụng thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12: Phía Nam giáp đường giao thông có kích thước: 39,44m; Phía Bắc giáp đường vào nhà ông H3 có kích thước: 40,22m; Phía Tây giáp đường giao thông có kích thước:

34,27m; Phía Đông giáp đất nhà bà T6 có kích thước: 41,83. Diện tích thực tế sử dụng là 1.569,7m2 .

Về tài sản trên đất: Trên thửa đất có 02 ngôi nhà, nhà ở chính cấp 4 xây tường bờ lô, tô trát hoàn chỉnh trụ bê tông cốt thép, móng xây đá học, mái lợp tôn trên nền láng xi măng, diện tích nhà ở chính: 51,9m2, Nhà tạm xung quanh xây bờ lô đơn giản cao 3m, nền láng xi măng mái lợp tôn, cửa ván ghép đơn giảm, có diện tích 17,2m2. Sân bê tông có diện tích 88,1m2; Hàng rào xây gạch bờ lô cao 1,2m -1,5m dài 151,26m; hai trụ cổng cao 2m, cổng sắt rộng 4m; 01 cây xoan phi 20; 01 cây vú sữa. Tài sản trên đất nhà ở, nhà tạm, sân bê tông, hàng rào, trụ cổng các bên đều thừa nhận của ông Hồ Minh T xây dựng, nên giao cho ông T quản lý, sử dụng không yêu cầu định giá tài sản, còn cây trồng trên đất tự mọc lên, bà X đề nghị không định giá, giao đất cho ai thì người đó được hưởng, tự chặt phá di dời.

Về định giá đất ở: đất khu vực 2, vị trí 1 có giá 83.000 đồng/m2; đất trồng câu hàng năm vị trí 1 xã T có giá 22.000 đồng/m2.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bị đơn ông T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Minh T2 có mặt nhưng không phối hợp và không ký biên bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tuyên bố di chúc của bà Nguyễn Thị L1 lập ngày 27/2/2009 vô hiệu. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 065244 do UBND huyện B cấp, mang tên bà Nguyễn Thị L1 ngày 26/4/2013, tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12, diện tích 1670,1m2, địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình và chia di sản thừa kế. Bị đơn ông T và anh Hồ Minh T2 giữ nguyên quan điểm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án xem xét di chúc bà Nguyễn Thị L1 lập là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật vì có công chứng, chứng thực của UBND xã và có người làm chứng hợp pháp ký xác nhận. Yêu cầu thực hiện theo di chúc, không đồng ý chia đất cho ông H, bà X.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 37, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, 165; Điều 227, 228, 469, 477, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 654, 656, 657 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 634, 635, 650 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 166, 167, 170, 188, 203 Luật Đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị X về việc tuyên Di chúc do cụ Nguyễn Thị L1 lập ngày 27/02/2009 vô hiệu và chia di sản

thừa kế của cụ Hồ Văn S và cụ Nguyễn Thị L1 để lại là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12, diện tích 1670,1m2; địa chỉ: thôn D, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị X. Hủy giấy CNQSDĐ số phát hành BM 065244, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị L1 ngày 26/4/2013, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12, diện tích 1670,1m2; địa chỉ: thôn D, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình để cấp lại theo quy định của pháp luật về đất đai.

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2024, bà Hồ Thị X kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên toà:

- Bà Hồ Thị X giữ nguyên kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị X, bị đơn ông Hồ Minh T đều xác định: Cha mẹ của các ông, bà là cụ Hồ Văn S (chết năm 1970), cụ Nguyễn Thị L1 (chết năm 2009). Quá trình chung sống, cụ S, cụ L1 sinh được 04 người con, gồm: Hồ Thị T4 (chết năm 1968, chết trước bố mẹ), ông Hồ Văn H (chết năm 2023), ông Hồ Minh T và bà Hồ Thị X.

- Tại Biên bản làm việc ngày 21/5/2024 (BL 175), chị Nguyễn Thị Phương trình B2: Chị là con dâu bà Hồ Thị T4 (chết năm 1968) và ông Nguyễn Đình Á (chết năm 1997); bà T4 và ông Á có 01 con chung là anh Nguyễn Đình T7 (chồng chị P, chết năm 2006). Chị P và anh T7 có 02 con chung là Nguyễn Thị H4, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn H5, sinh năm 1995.

Như vậy theo quy định tại Điều 677 Bộ luật dân sự 2005; Điều 652 Bộ luật dân sự 2015, thì anh Nguyễn Đình T7 (con bà Hồ Thị T4) là thuộc diện "Thừa kế thế vị" nhưng anh T7 (chết năm 2006) nên chị Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H4 và

Nguyễn Văn H5 (vợ và các con anh T7) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Nguyễn Đình T7, nhưng án sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Do đó, cần huỷ án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại từ giai đoạn sơ thẩm, đúng quy định pháp luật, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên toà.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Do huỷ án sơ thẩm, nên yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Xuân C phúc thẩm không xem xét.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Bà Hồ Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Hồ Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tào